



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, phường 15

quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3840 6618; Fax: 08.3840 6616

Email: vaco HCM@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/06/2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/06/2015

Tháng 08 năm 2015



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch
Ông Phan Minh Sáng	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Phan Trung Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên
Ông Bùi Xuân Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Minh Sáng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Số: 056/VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**


Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ lập tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập ngày 10 tháng 08 năm 2015, từ trang 04 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Nguyễn Minh Hùng
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận ĐKHN số: 0294-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2015


Nguyễn Mạnh Thắng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN số: 1826-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		957.416.515.912	228.535.702.107
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	74.184.377.049	25.382.030.478
1. Tiền	111		74.184.377.049	22.382.030.478
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10	606.420.946.945	67.075.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		237.858.446.945	24.600.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		368.562.500.000	42.475.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.810.055.883	66.976.265.563
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	103.695.559.055	72.211.546.973
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.166.339.001	4.184.486.883
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		7.532.568.497	4.448.815.241
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(16.584.410.670)	(13.868.583.534)
IV. Hàng tồn kho	140	7	139.828.366.448	62.601.694.541
1. Hàng tồn kho	141		139.828.366.448	62.601.694.541
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.172.769.587	6.500.711.525
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.965.844.808	1.632.293.744
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.190.109.311	4.740.310.072
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		16.815.468	128.107.709
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189.075.187.057	191.485.482.762
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.160.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		27.160.000	-
II. Tài sản cố định	220		151.989.135.188	154.151.253.175
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	110.076.508.903	108.828.891.892
- Nguyên giá	222		181.683.657.655	176.351.175.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.607.148.752)	(67.522.283.244)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	41.912.626.285	45.322.361.283
- Nguyên giá	228		43.849.299.849	46.249.034.849
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.936.673.564)	(926.673.566)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.662.764.202	9.490.344.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.662.764.202	9.490.344.520
IV. Tài sản dài hạn khác	260		27.396.127.667	27.843.885.067
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	27.396.127.667	27.543.878.886
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	300.006.181
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.146.491.702.969	420.021.184.869

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015		01/01/2015	
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		178.420.002.075		105.661.054.356	
I. Nợ ngắn hạn	310		175.985.602.075		105.661.054.356	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		49.832.826.800		17.967.468.388	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.708.107.749		3.982.058.032	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	17.146.664.049		6.187.357.017	
4. Phải trả người lao động	314		13.787.289.500		9.861.716.650	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.746.223.409		3.260.782.285	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		783.468.505		1.364.851.836	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	82.809.419.973		56.827.847.552	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.171.602.090		6.208.972.596	
II. Nợ dài hạn	330		2.434.400.000		-	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	2.434.400.000		-	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		968.071.700.894		314.360.130.513	
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	968.071.700.894		314.360.130.513	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		738.240.420.000		158.129.150.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		738.240.420.000		158.129.150.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.356.308.798		3.666.797.196	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.532.010.723		98.742.703.527	
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		127.728.500		127.728.500	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.635.707.461		16.147.703.690	
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.079.944.636		(52.125.933.685)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		81.555.762.825		68.273.637.375	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		98.179.525.412		37.546.047.600	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.146.491.702.969		420.021.184.869	



Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc
Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng

Lê Đức Nhuận
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		457.863.311.932	204.453.302.971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.125.484.443	1.128.772.369
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	18	453.737.827.489	203.324.530.602
4. Giá vốn hàng bán	11	19	360.754.846.998	164.875.020.815
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		92.982.980.491	38.449.509.787
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	49.030.963.993	1.149.310.307
7. Chi phí tài chính	22	22	3.737.953.007	4.696.678.130
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.968.635.197	3.938.547.725
8. Chi phí bán hàng	25	23	27.654.897.841	12.384.123.642
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	11.551.578.616	18.424.455.401
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		99.069.515.020	4.093.562.921
11. Thu nhập khác	31		2.288.558.312	888.865.683
12. Chi phí khác	32		15.309.349	32.590.280
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.273.248.963	856.275.403
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		101.342.763.983	4.949.838.324
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		15.114.146.219	2.544.249.673
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		300.006.181	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		85.928.611.583	2.405.588.651
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		81.763.264.325	2.360.710.722
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.165.347.258	44.877.929
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	24	2.289	294



Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc
Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng

Lê Đức Nhuận
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	101.342.763.983	4.949.838.324
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.297.887.506	5.541.568.675
- Các khoản dự phòng	03	2.715.827.136	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(178.927.880)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(34.588.517.516)	-
- Chi phí lãi vay	06	282.692.102	541.488.409
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	76.871.725.331	11.032.895.408
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(32.523.446.658)	17.229.686.283
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(77.226.671.907)	(42.879.754.952)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	37.940.026.978	42.174.849.824
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(185.799.845)	1.017.942.933
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	(213.258.446.945)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(744.773.811)	(541.488.409)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.657.031.740)	(5.956.305.285)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(60.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.270.707.954)	(3.169.067.267)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(214.055.126.551)	18.848.758.535
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(8.367.573.769)	(2.119.198.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	456.363.636	-
3. Tiền chi cho vay	23	(776.576.418.683)	8.000.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay	24	452.886.247.560	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.084.604.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	283.381.162	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(331.318.000.094)	10.965.406.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	568.000.458.798	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	262.555.092.390	126.775.478.629
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(236.380.077.972)	(158.712.736.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	594.175.473.216	(31.937.257.584)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	48.802.346.571	(2.123.093.049)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.382.030.478	28.914.503.994
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	74.184.377.049	26.791.410.945



Phan Minh Sáng
 Tổng Giám đốc
 Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Trần Tấn Long Thạch
 Kế toán trưởng

Lê Đức Nhuận
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND Thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 11 ngày 11/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 06 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 738.240.420.000 đồng, tương đương 73.824.042 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	43.419.623	434.196.230.000	58,82%
Cổ đông khác	30.404.419	304.044.190.000	41,18%
Cộng	73.824.042	738.240.420.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TSC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 880 người (tại ngày 31/12/2014 là 727 người).

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn gạo, thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác (trừ thịt động vật thuộc danh mục cấm); Bán buôn đồ uống; Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày: khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...), dịch vụ phục vụ đồ uống và các dịch vụ ăn uống khác; Kinh doanh hoạt động xử lý hạt giống để nhân giống: Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho - những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường; Kinh doanh hoạt động xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Các công ty con

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ vốn góp và lợi ích của Công ty</u>
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Long An	78,64%	78,64%
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Cần Thơ	95,45%	95,45%
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Cần Thơ	75,00%	75,00%

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2015 (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến cuối kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự chủ chốt

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	56.034.302	106.650.122
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.760.558.094	22.275.380.356
Tiền đang chuyển	367.784.653	-
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
Cộng	<u>74.184.377.049</u>	<u>25.382.030.478</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Công Ty HH TM Tín Phát Bằng Tường Quảng Tây	3.524.930.000	-
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	3.520.000.000
Maxwill (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	3.508.884.959
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhật Nguyệt	14.669.590.328	18.285.249.819
DNTN Quý Hằng	4.143.585.127	4.093.520.935
Đại Lý VTNN Tích Thảo	2.212.065.189	2.212.065.189
Các đối tượng khác	72.116.503.452	40.591.826.071
	<u>103.695.559.055</u>	<u>72.211.546.973</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi đường	-	-	7.051.436.246	-
Nguyên liệu, vật liệu	40.864.718.761	-	25.486.798.375	-
Công cụ, dụng cụ	1.282.449.940	-	563.165.432	-
Thành phẩm	42.055.010.541	-	25.561.221.268	-
Hàng hóa	55.626.187.206	-	2.955.442.841	-
Hàng gửi bán	-	-	983.630.379	-
Cộng	<u>139.828.366.448</u>	<u>-</u>	<u>62.601.694.541</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. NỢ QUÁ HẠN, KHÓ THU HỒI**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
DNTN Trung Đông	3.520.298.545	-	3.520.298.545	-
Maxwill (ASIA) PTE LTD	3.508.884.959	1.052.665.488	3.508.884.959	1.052.665.488
DNTN Quý Hằng	4.143.585.127	1.941.161.066	4.093.520.935	2.203.288.137
Đại Lý VTNN Tích Thảo	2.212.065.189	-	2.212.065.189	-
Hộ Kinh Doanh Tấn Tài	1.434.303.200	430.290.960	1.534.303.200	767.151.600
Công ty TNHH Sản Xuất TM Hải Hằng	1.935.575.215	911.864.180	2.055.575.215	1.049.796.626
Các đối tượng khác	5.403.689.677	1.237.711.452	24.503.212.447	22.486.077.009
Cộng	22.158.401.913	5.573.693.147	41.427.860.490	27.558.978.860

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bộ thương hiệu thuốc BVTV	Bản quyền nhân thuốc	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	25.627.361.283	20.200.000.000	136.363.635	285.309.931	46.249.034.849
- Thanh lý, nhượng bán	(2.399.735.000)	-	-	-	(2.399.735.000)
Tại ngày 30/06/2015	<u>23.227.626.283</u>	<u>20.200.000.000</u>	<u>136.363.635</u>	<u>285.309.931</u>	<u>43.849.299.849</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	-	505.000.000	136.363.635	285.309.931	926.673.566
- Khấu hao trong năm	-	1.009.999.998	-	-	1.009.999.998
Tại ngày 30/06/2015	-	<u>1.514.999.998</u>	<u>136.363.635</u>	<u>285.309.931</u>	<u>1.936.673.564</u>
Giá trị còn lại					-
Tại ngày 01/01/2015	<u>25.627.361.283</u>	<u>19.695.000.000</u>	-	-	<u>45.322.361.283</u>
Tại ngày 30/06/2015	<u>23.227.626.283</u>	<u>18.685.000.002</u>	-	-	<u>41.912.626.285</u>

Quyền sử dụng đất của Công ty phần lớn là đất nông nghiệp với thời hạn sử dụng là 25 năm. Theo quy định của pháp luật hiện hành về đất nông nghiệp, Công ty có quyền tiếp tục gia hạn thời hạn thuê đất nông nghiệp khi hết hạn. Ban Giám đốc dự định Công ty sẽ tiếp tục gia hạn thuê đất trong tương lai, do đó Công ty không trích khấu hao cho các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh				
- Tổng giá trị cổ phiếu	237.858.446.945	237.858.446.945	-	24.600.000.000
Chứng khoán niêm yết	52.185.946.945	52.185.946.945	-	24.600.000.000
Chứng khoán không niêm yết	185.672.500.000	185.672.500.000	-	-

30/06/2015		01/01/2015	
Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
368.562.500.000	368.562.500.000	42.475.000.000	42.475.000.000

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**a1) Ngắn hạn**

- Các khoản hợp tác đầu tư

Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường tại ngày 30/06/2015 nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có). Do đó, Công ty đang trình bày theo giá gốc các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết này trên báo cáo tài chính.

Đầu tư ngắn hạn khác là khoản đầu tư dưới hình thức Công ty thực hiện góp vốn trong hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân và tổ chức, thời hạn hợp tác đầu tư quy định trong hợp đồng là dưới 12 tháng và Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận nhất định tính trên tỷ lệ % (phần trăm) của số vốn thực góp của Công ty mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên nhận góp vốn.

Số: 11/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THO

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	111.641.251.329	49.686.345.767	14.010.683.004	915.485.390	97.409.646	176.351.175.136
- Mua trong năm	-	2.308.562.701	5.226.941.818	-	-	7.535.504.519
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.203.022.000)	-	-	(2.203.022.000)
Tại ngày 30/06/2015	111.641.251.329	51.994.908.468	17.034.602.822	915.485.390	97.409.646	181.683.657.655
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	34.775.465.657	26.340.417.432	6.021.553.344	287.437.165	97.409.646	67.522.283.244
- Khấu hao trong năm	3.129.861.327	2.354.513.395	752.642.098	50.870.688	-	6.287.887.508
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.203.022.000)	-	-	(2.203.022.000)
Tại ngày 30/06/2015	37.905.326.984	28.694.930.827	4.571.173.442	338.307.853	97.409.646	71.607.148.752
Giá trị còn lại	76.865.785.672	23.345.928.335	7.989.129.660	628.048.225	-	108.828.891.892
Tại ngày 01/01/2015	73.735.924.345	23.299.977.641	12.463.429.380	577.177.537	-	110.076.508.903
Tại ngày 30/06/2015						

Công ty đã sử dụng một số tài sản cố định là tài sản để thế chấp cho các khoản vay với giá trị là 81.891.611.028 đồng (31/12/2014: 125.692.977.886 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 20.697.558.455 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 22.646.975.615 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Số đầu kỳ	27.543.878.886	28.416.952.951
Tăng trong kỳ	303.168.182	-
Phân bổ vào chi phí SXKD trong kỳ	(450.919.401)	(499.938.410)
Số cuối kỳ	27.396.127.667	27.917.014.541

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	30/06/2015
	VND	VND
a) Phải thu		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.740.310.072	13.190.109.311
Cộng	4.740.310.072	13.190.109.311

	01/01/2015	Số phải nộp	Số thực nộp	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	355.384.915	510.621.364	866.006.279	-
Thuế thu nhập cá nhân	82.324.770	186.030.389	198.370.939	69.984.220
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.730.953.059	15.002.758.510	3.657.031.740	17.076.679.829
Tiền thuê đất	-	125.118.455	125.118.455	-
Các loại thuế khác	18.694.273	19.458.400	38.152.673	-
Cộng	6.187.357.017	15.843.987.118	4.884.680.086	17.146.664.049

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay như sau:

	30/06/2015		Trong năm		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	82.200.819.973	82.200.819.973	261.815.871.895	236.442.899.474	56.827.847.552	56.827.847.552
Vay dài hạn đến hạn trả	608.600.000	608.600.000	608.600.000	-	-	-
	82.809.419.973	82.809.419.973	262.424.471.895	236.442.899.474	56.827.847.552	56.827.847.552

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Công ty như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ	47.674.360.000	12.358.520.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cần Thơ	34.526.459.973	35.018.334.538
Phạm Văn Lợi	-	5.450.993.014
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	-	4.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng VPBank Trung Hoà	608.600.000	-
Nhân Chính	82.809.419.973	56.827.847.552
Cộng	82.809.419.973	56.827.847.552

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ gồm các khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần với số dư là 37.500.000.000 VND, theo hợp đồng hạn mức với số dư là 5.719.000.000 VND và vay tại Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây với số tiền là 4.442.530.000. Các khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần dùng để thu mua tạm trữ thóc gạo vụ Đông Xuân 2014 – 2015 theo quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Khoản vay này được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất theo quyết định nêu trên. Khoản vay theo hợp đồng hạn mức có tổng hạn mức là 50.000.000.000 VND, được dùng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản khác. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản sau.

+ Tài sản thế chấp của bên vay: Quyền sử dụng đất tại Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp số 72,73/2014/VCBCT ngày 08/10/2014, số 20/2015/VCBCT ngày 18/3/2015 để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với tổng trị giá 16.249 triệu đồng.

+ Tài sản bảo lãnh của bên thứ ba: Công ty CP Chế Biến Thực phẩm XK Miền Tây thế chấp tài sản gồm MMTB và xe trị giá 20.799 triệu đồng bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán trả nợ của TSC tại VCBCT theo HĐTC số 30/2015/VCBCT và 32/2015/VCBCT ngày 03/4/2015.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 14.93.001/2014-HĐTDHM/NHCT820-CTCPNongDuocTSC ngày 01 tháng 01 năm 2014 và tái ký 080.03/KHDN/2015-HĐTDHM/NHCT820- Cty CP TSC nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón của Công ty Cổ phần Nông được TSC. Hợp đồng có hạn mức cho vay là 45.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là tới hết ngày 31/03/2016. Khoản vay chịu lãi suất 8%, lãi suất vay được điều chỉnh một (01) tháng một lần, bằng lãi suất cơ sở (lãi suất huy động tiết kiệm cộng chi phí huy động vốn tăng thêm) cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty Cổ phần Nông được TSC.

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2015		Trong năm		31/12/2014	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	2.434.400.000	2.434.400.000	3.043.000.000	608.600.000	-	-
Tổng	2.434.400.000	2.434.400.000	3.043.000.000	608.600.000	-	-

Tại ngày 21 tháng 5 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn 05 năm với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng, Chi nhánh Trung Hòa Nhân Chính với số tiền 3.043.000.000 VND. Khoản vay này dùng để mua sắm tài sản cố định, gốc vay sẽ được trả mỗi 03 tháng trong vòng 60 tháng, bắt đầu trả khoản vay đầu tiên từ ngày 21 tháng 08 năm 2015. Khoản vay chịu lãi suất 10,7%/năm và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Lịch trả vay dài hạn:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	608.600.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.434.400.000	-
	3.043.000.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	608.600.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	2.434.400.000	-

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 738.240.420.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 158.129.150.000 VND). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

STT	Cổ đông	Tại ngày 30/06/2015		Tại ngày 31/12/2014	
		Số tiền	Tỉ lệ	Số tiền	Tỉ lệ
1	Công ty CP Đầu tư FIT	434.196.230.000	58,82%	102.805.000.000	65,01%
2	Cổ đông khác	304.044.190.000	41,18%	55.324.150.000	34,99%
	Cộng	738.240.420.000	100,00%	158.129.150.000	100,00%

Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	73.824.042	15.812.915
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	73.824.042	15.812.915

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÁN THO
 ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị: VND
Số dư tại 31/12/2013	83.129.150.000	2.389.610.000	68.891.933.657	29.100.283.062	127.728.500	(52.125.933.685)	
Phát hành cổ phiếu mới	75.000.000.000	-	-	-	-	-	
Trích quỹ	-	-	301.253.497	554.638.360	-	(855.891.857)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.180.141.052)	
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	-	(414.928.585)	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	61.765.870.666	
Bán cổ phiếu quỹ	-	1.277.187.196	-	-	-	-	
Tặng/giảm khác	-	-	(22.102.553)	(83.302.496)	-	9.958.728.203	
Số dư tại 31/12/2014	158.129.150.000	3.666.797.196	69.171.084.601	29.571.618.926	127.728.500	16.147.703.690	
Phân loại số dư đầu kỳ	-	-	29.571.618.926	(29.571.618.926)	-	(11.069.030.000)	
Phát hành cổ phiếu mới	580.111.270.000	33.689.511.602	(91.210.692.804)	-	-	81.763.264.325	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(217.000.000)	
Chi thưởng bán điều hành	-	-	-	-	-	10.769.446	
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 30/06/2015	738.240.420.000	37.356.308.798	7.532.010.723	-	127.728.500	86.635.707.461	

Theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 08/11/2014 của Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 2 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua phương án chào bán cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ của Công ty từ 158.129.150.000 đồng lên 1.476.480.860.000 đồng. Theo đó, Công ty dự kiến chào bán 131.835.171 cổ phiếu với tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá cổ phiếu) là 1.318.351.710.000 đồng, chia thành 2 đợt chào bán. Theo đó, trong kỳ Công ty đã thực hiện nghị quyết nêu trên bằng việc tiến hành phát hành cổ phần đợt I với số cổ phần phát hành thêm là 58.011.127 cổ phần, tương đương 580.111.270.000 VND vốn điều lệ. Cụ thể như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 cho các cổ đông hiện hữu: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 1.106.903 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2011 với tỷ lệ 7%. Loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 9.487.749 cổ phiếu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 60%. Loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 31.625.830 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:2 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được quyền mua 02 cổ phiếu mới). Loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Chào bán cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ, nhân viên công ty: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 790.645 cổ phiếu chào bán cho cán bộ, nhân viên công ty. Loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 15.000.000 cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược. Loại cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành với mệnh giá là 12.500 đồng/cổ phiếu.

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
Ngoại tệ USD	585.433,40	192.094,55
Ngoại tệ EUR	462,24	473,16

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	261.655.916.932	80.436.548.812
Doanh thu bán thành phẩm	190.627.590.285	121.033.286.275
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.454.320.272	1.854.695.515
Cộng	453.737.827.489	203.324.530.602

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	218.983.324.148	84.180.510.441
Giá vốn bán thành phẩm	141.771.522.850	80.343.642.321
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	350.868.053
Cộng	360.754.846.998	164.875.020.815

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	203.680.610.016	97.991.908.690
Chi phí nhân công	31.006.981.391	26.139.743.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.297.887.506	5.279.395.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.375.498.709	14.111.639.328
Chi phí khác bằng tiền	5.344.222.689	2.529.996.533
Cộng	<u>266.705.200.311</u>	<u>146.052.682.789</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	227.741.642	487.250.214
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	162.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	739.400.483	229.169.753
Lãi chậm thanh toán	-	270.890.340
Lãi bán các khoản đầu tư	43.800.000.000	-
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	4.263.821.868	-
Cộng	<u>49.030.963.993</u>	<u>1.149.310.307</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.968.635.197	3.938.547.725
Lỗ chênh lệch tỷ giá	747.617.253	541.488.410
Chi phí tài chính khác	21.700.557	216.641.995
Cộng	<u>3.737.953.007</u>	<u>4.696.678.130</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	5.436.066.848	1.974.806.918
Chi phí vật liệu, bao bì	153.475.150	3.861.187.368
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	56.446.944	10.996.048
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	71.836.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.282.409.980	5.517.672.266
Các khoản chi phí bán hàng khác	9.726.498.919	947.624.386
Cộng	<u>27.654.897.841</u>	<u>12.384.123.642</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

Chi trả trợ cấp thôi việc		
Chi phí nhân viên	4.230.359.697	12.996.962.325
Chi phí vật liệu quản lý	94.619.847	40.706.227
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.427.586	119.181.820
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.410.926.846	1.838.945.775
Thuế, phí và lệ phí	549.564.548	219.630.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.007.737.434	1.496.343.708
Chi phí dự phòng	2.715.827.136	-
Các khoản chi phí QLDN khác	1.514.115.522	1.712.684.732
Cộng	11.551.578.616	18.424.455.401

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	81.763.264.325	2.360.710.722
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	35.714.067	8.029.628
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.289	294

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	85.243.819.973	56.827.847.552
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	74.184.377.049	25.382.030.478
Nợ thuần	11.059.442.924	31.445.817.074
Vốn chủ sở hữu	968.071.700.894	314.360.130.513
Tỉ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,14%	10,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.184.377.049	25.382.030.478
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.670.876.882	62.791.778.680
Đầu tư tài chính ngắn hạn	606.420.946.945	67.075.000.000
Các khoản ký quỹ	145.244.000	-
Tổng cộng	775.421.444.876	155.248.809.158
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	85.243.819.973	56.827.847.552
Phải trả người bán và phải trả khác	50.616.295.305	19.332.320.224
Chi phí phải trả	4.746.223.409	3.260.782.285
Tổng cộng	140.606.338.687	79.420.950.061

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số.210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.184.377.049	-	74.184.377.049
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.670.876.882	-	94.670.876.882
Đầu tư tài chính ngắn hạn	606.420.946.945	-	606.420.946.945
Các khoản ký quỹ	118.084.000	27.160.000	145.244.000
Tổng cộng	775.394.284.876	27.160.000	775.421.444.876
Tại 30/06/2015			
Các khoản vay	82.809.419.973	2.434.400.000	85.243.819.973
Phải trả người bán và phải trả khác	50.616.295.305	-	50.616.295.305
Chi phí phải trả	4.746.223.409	-	4.746.223.409
Tổng cộng	138.171.938.687	2.434.400.000	140.606.338.687
Chênh lệch thanh khoản thuần	637.222.346.189	(2.407.240.000)	634.815.106.189
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.382.030.478	-	25.382.030.478
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.791.778.680	-	62.791.778.680
Tổng cộng	155.248.809.158	-	155.248.809.158
Tại 01/01/2015			
Các khoản vay	56.827.847.552	-	56.827.847.552
Phải trả người bán và phải trả khác	19.332.320.224	-	19.332.320.224
Chi phí phải trả	3.260.782.285	-	3.260.782.285
Tổng cộng	79.420.950.061	-	79.420.950.061
Chênh lệch thanh khoản thuần	75.827.859.097	-	75.827.859.097

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. SÓ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các bên liên quan**

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T.	
Nhận tiền vay	5.000.000.000
Trả nợ gốc vay	5.000.000.000
Thanh toán chi phí lãi vay	40.000.000
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	138.500.000.000
Chi phí lãi hợp tác đầu tư	10.000.002
Lãi hoạt động hợp tác đầu tư	1.184.032.978
Thu hồi các khoản hợp tác đầu tư, lãi hợp tác đầu tư	85.847.584.921
Cần trừ các khoản hợp tác đầu tư với phải trả khác	4.135.555.556
Thu hộ chi phí hội chợ	275.594.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	225.600.000.000
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	1.634.598.334
Thu hồi các khoản hợp tác đầu tư, lãi hợp tác đầu tư	92.583.780.001

Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty chưa phải là thành viên của tập đoàn F.I.T và chưa phát sinh giao dịch với các công ty trong tập đoàn này. Vì thế số liệu giao dịch với các đơn vị nêu trên cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 không phát sinh.

Số dư các bên liên quan

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T.		
Đầu tư ngắn hạn	72.827.500.000	18.300.000.000
Phải thu khách hàng	185.856.000	-
Phải thu khác	544.809.167	75.583.333
Vay ngắn hạn	-	4.000.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Đầu tư ngắn hạn	134.650.818.333	-
Phải thu khác	1.290.818.333	-

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Trong năm, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận giữ lại với giá trị 105.946.520.000. Khoản phát hành thêm từ các nguồn này không được tính vào trong chỉ tiêu Tiền thu từ phát hành cổ phiếu.

Tiền lãi vay đã trả không bao gồm 462.081.709 VND là số chi phí lãi vay Công ty chưa thanh toán tại ngày 30/06/2015. Vì vậy, một khoản tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Tăng giảm các khoản phải trả.

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 180.796.930.953 VND

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 148.588.595.090 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ là báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày cuối kỳ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc
Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 08 năm 2015


Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng


Lê Đức Nhuận
Người lập biểu

